

Cho vay doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Hội sở Ngân hàng Bắc Á- thực trạng và khuyến nghị

Võ Đức Việt*, Võ Văn Quang**

Bài viết đề cập đến một số vấn đề liên quan đến phạm vi, quy mô và chất lượng cho vay đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Hội sở Ngân hàng Bắc Á Nghệ An (NASB) trong những năm gần đây. Bài viết chỉ ra để tăng tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận vốn vay, tăng mức dư nợ và đảm bảo mức độ an toàn tín dụng NASB cần thực hiện chính sách lãi suất linh hoạt; đa dạng hóa hình thức cấp tín dụng; đa dạng hóa phương thức tiếp cận khách hàng; mở rộng mạng lưới hoạt động; đa dạng hóa các sản phẩm cho vay; áp dụng linh hoạt các hình thức bảo đảm tiền vay; tăng cường áp dụng các biện pháp quản lý hiện đại vào quản lý hoạt động của NASB để đáp ứng được nhu cầu của doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Từ khóa: Dư nợ tín dụng, chất lượng tín dụng, bảo đảm tiền vay.

1. Đặt vấn đề

Cho vay đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNN&V) là chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước ta. Bởi lẽ sự ra đời và phát triển của các DNN&V đã góp phần tích cực vào sự phát triển kinh tế xã hội của đất nước như góp phần tạo việc làm, tăng thu nhập, đóng góp tích cực cho NSNN. Điều này đúng với cả nước cũng như đối với tỉnh Nghệ An.

Những năm gần đây (2008-2012), trong điều kiện khó khăn chung của nền kinh tế, các DNN&V ở Nghệ An vẫn được duy trì và phát triển. Theo thống kê đến thời điểm 31/12/2013 trên địa bàn toàn tỉnh Nghệ An đã có 11.121 doanh nghiệp hoạt động theo Luật Doanh nghiệp với tổng số vốn đăng ký trung bình của doanh nghiệp là 4,1 tỷ đồng. Số lao động được thu hút vào làm việc trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa là 498.560 người.

Trước năm 2000, loại hình doanh nghiệp tư nhân chiếm tỷ trọng trên 60%. Khi Luật doanh nghiệp có hiệu lực thì loại hình Công ty TNHH và Công ty Cổ phần chiếm đa số doanh nghiệp đăng ký, chiếm tỷ trọng 70%. Trước đây, doanh nghiệp chủ yếu có trụ sở chính tại thành phố Vinh và các huyện đồng bằng, một số huyện không có doanh nghiệp như huyện Tương Dương, Kỳ Sơn, Quế Phong,... Hiện nay, môi trường kinh doanh ở các huyện vùng cao

Nghệ An từng bước được cải thiện, do đó 20/20 huyện, thành, thị của tỉnh Nghệ An đã có doanh nghiệp nhỏ và vừa thành lập và hoạt động.

Mức vốn đầu tư trung bình một doanh nghiệp nhỏ và vừa cũng tăng nhanh, từ 880 triệu đồng/doanh nghiệp thời kỳ 1991-1999 lên 1.583 triệu đồng/doanh nghiệp năm 2005, đạt 2.800 triệu đồng/doanh nghiệp vào năm 2008 và 4.100 triệu đồng/doanh nghiệp năm 2013.

Hoạt động của các doanh nghiệp nhỏ và vừa đã góp phần giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, giảm đáng kể tỷ lệ thất nghiệp của lực lượng lao động trong độ tuổi ở khu vực thành thị, nông thôn. Năm 2006 bình quân 01 doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh sử dụng 20 lao động, đến nay bình quân một doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng gần 45 lao động (xem Bảng 1).

Hoạt động của doanh nghiệp nhỏ và vừa không chỉ tạo việc làm mà còn góp phần thúc đẩy sản xuất và tăng nguồn thu ngân sách nhà nước, nhờ đó đã có đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Nghệ An. Chẳng hạn năm 2012, ngay trong điều kiện khó khăn do tác động khủng hoảng kinh tế kéo dài, nhiều doanh nghiệp nhỏ và vừa phải ngừng sản xuất, giải thể, phá sản hoặc sản xuất cầm chừng (số doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh năm 2012

Bảng 1: Thống kê tình hình thành lập DNN&V tại tỉnh Nghệ An

TT		Theo năm				
		2006	2008	2010	2012	2013
1	Số DN được thành lập	3.200	5.516	8.091	10.377	11.121
2	Số vốn đăng ký trung bình/DN (Tr. đồng)	1.658	2800	3.200	3.600	4.100
3	Tổng số lao động (người)	65.000	110.000	242.730	456.320	498.560

Nguồn: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An, 2013

là 1.119 DN; số doanh nghiệp giải thể đóng mã số thuế là 855 DN, số doanh nghiệp có tờ khai bằng 0 là 771 DN) song vẫn có 6.497 doanh nghiệp nhỏ và vừa hoạt động có kê khai nộp thuế, chiếm 62,61% tổng số thành lập, đóng góp 42,85% vào giá trị sản xuất toàn tỉnh và đóng góp vào ngân sách tỉnh 3.943 tỷ đồng, tăng 15,39% so với năm 2011.

Tuy nhiên, số vốn điều lệ đăng ký bình quân dưới 4,1 tỷ đồng/DN cho thấy quy mô của doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Nghệ An đến nay vẫn còn là quá nhỏ. Trên thực tế thì mức vốn này còn có thể nhỏ hơn, vì có khá nhiều doanh nghiệp số vốn điều lệ đăng ký chỉ là danh nghĩa. Trước yêu cầu của hội nhập kinh tế quốc tế, đòi hỏi doanh nghiệp nhỏ và vừa phải có sự đầu tư tập trung, mở rộng sản xuất-kinh doanh, nâng cao giá trị hàng hoá... việc thiếu vốn đầu tư trở thành một thách thức, rào cản lớn đối với phát triển doanh nghiệp cũng những yêu cầu tăng trưởng đặt ra đối với nền kinh tế. Điều này đặt ra yêu cầu tăng cường hoạt động cho vay đối doanh nghiệp nhỏ và vừa từ phía ngành ngân hàng Nghệ An.

Sau nhiều nỗ lực triển khai các biện pháp hỗ trợ doanh nghiệp từ phía lãnh đạo tỉnh và Ngân hàng, đến nay các biện pháp hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa của tỉnh Nghệ An đã phát huy hiệu quả tích cực.

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Nghệ An có 06 chi nhánh NHTM nhà nước, 19 chi nhánh NHTM cổ phần, chi nhánh Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương, chi nhánh ngân hàng chính sách xã hội, chi nhánh ngân hàng phát triển, các phòng giao dịch trực thuộc các chi nhánh, các máy rút tiền tự động và hệ thống quỹ tín dụng nhân dân cơ sở. Với hệ thống các điểm giao dịch rộng khắp toàn tỉnh và đội ngũ nhân viên được đào tạo, hệ thống ngân hàng trên địa bàn đã đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu về vốn và cung

cấp các dịch vụ ngân hàng cho doanh nghiệp và người dân địa phương, trong đó có doanh nghiệp nhỏ và vừa, góp phần quan trọng vào sự phát triển kinh tế của tỉnh.

Dư nợ ngành ngân hàng có sự tăng trưởng, mặt bằng lãi suất cho vay đã được hạ thấp, dư nợ cho vay đối với sản xuất, kinh doanh chiếm tỷ trọng cao nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp nông thôn, xuất khẩu, các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Tổng dư nợ của các tổ chức tín dụng trên địa bàn tăng 25,5% (cả nước tăng 4,85%); cho vay phát triển sản xuất, kinh doanh chiếm 97,4% tổng dư nợ; dư nợ của các doanh nghiệp nhỏ và vừa chiếm 53% tổng dư nợ.

Bên cạnh những thành tựu đó, cho vay đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa đang còn nhiều vấn đề khó khăn, như số lượng doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn vay từ ngân hàng còn hạn hẹp, mức dư nợ chưa cao, các điều kiện vay vốn còn nhiều điểm chưa phù hợp. Tất cả điều đó đang là rào cản với việc tiếp cận vốn của doanh nghiệp nhỏ và vừa, ảnh hưởng đến sự phát triển của loại hình doanh nghiệp này.

Bài viết này, vì vậy tập trung phân tích tình hình cho vay của NASB, chỉ ra những điểm thành tựu, những hạn chế và khuyến nghị một số biện pháp đẩy mạnh cho vay đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Nghệ An những năm tới.

2. Khái quát tình hình cho vay doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Hội sở Ngân hàng Bắc Á

Là một TCCT trên địa bàn tỉnh, những năm qua, Hội sở Ngân hàng Bắc Á Nghệ An (NASB) cũng đã tích cực tham gia vào việc đáp ứng nhu cầu vốn của các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Nghệ An. Số lượng doanh nghiệp nhỏ và vừa có quan hệ tín dụng và quy mô cho vay doanh nghiệp nhỏ và vừa ngày càng có xu hướng tăng lên, chất lượng tín dụng cũng

Bảng 2: Tình hình dư nợ DNN&V tại Hội sở Ngân hàng Bắc Á

Loại vay	Năm 2008	Năm 2010	Năm 2012	Năm 2013
DNN&V - DN	5.516	8.091	10.377	11.121
Số DN vay vốn DN	140	186	288	322
% Doanh nghiệp có quan hệ vay vốn với Hội sở	2,5	2,2	2,7	2,8
Dư nợ Tỷ đồng (cả ngoại tệ quy đổi)	230	465	921	1.320
Tốc độ tăng trưởng dư nợ %	27,07	102,17	98,06	43,32
Dư nợ bình quân đối với một DNN&V (tỷ đồng)	1,64	2,5	3,2	4,1

Nguồn: Báo cáo tín dụng giai đoạn 2008 – 2013 của Hội sở Ngân hàng Bắc Á

ngày càng được đảm bảo. Có thể khái quát tình hình cho vay DNN&V tại NASB trên những nét chính sách đây:

2.1. Tình hình dư nợ tín dụng đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa

Chỉ tính trong giai đoạn 2008-2013, số doanh nghiệp nhỏ và vừa có quan hệ tín dụng với NASB có xu hướng gia tăng về số tuyệt đối cũng như tỷ lệ. Nếu năm 2008 chỉ có 140 doanh nghiệp, chiếm 2,5% trong tổng số doanh nghiệp nhỏ và vừa có quan hệ về vốn với Hội sở thì năm 2013, con số này đã tăng lên là 322 doanh nghiệp, chiếm tỷ lệ 2,8% số doanh nghiệp nhỏ và vừa của toàn tỉnh. Tổng dư nợ và dư nợ bình quân của một doanh nghiệp cũng tăng lên. Nếu năm 2008 tổng dư nợ của các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại NASB là 230 tỷ

đồng, bình quân của một doanh nghiệp là 1,64 tỷ đồng, thì năm 2013, tổng dư nợ của các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại NASB là 1.320 tỷ đồng, hay gấp 5,74 lần so với năm 2008 và bình quân dư nợ của 1 doanh nghiệp là 4,1 tỷ đồng, cao hơn gấp 2,5 lần so với năm 2008 (xem Bảng 2).

2.2. Chất lượng tín dụng

Bảng 3 cho thấy, đến 31/12/2013, trong tổng dư nợ các loại của doanh nghiệp nhỏ và vừa (1.320 tỷ đồng) tại NASB thì nợ quá hạn là 23,76 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 1,8%. Tỷ lệ nợ quá hạn đối với loại hình doanh nghiệp nhỏ và vừa ở mức thấp như vậy thể hiện chất lượng đối với việc cho vay đối với loại hình này không ảnh hưởng đến chất lượng tín dụng chung của ngân hàng.

2.3. Đảm bảo tiền vay

Bảng 3: Chất lượng tín dụng doanh nghiệp nhỏ và vừa

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2010	Năm 2012	Năm 2013
1. Dư nợ DNN&V (tỷ đồng)	230	465	921	1.320
1. Nợ xấu (tỷ đồng)	2,48	5,58	13,815	23,76
Tỷ lệ nợ xấu /Dư nợ DNN&V (%)	1,08	1,2	1,5	1,8
2. Dư nợ có đảm bảo (tỷ đồng)	218,5	461,23	915,93	1312,87
Tỷ trọng %	95%	99,19%	99,45%	99,46%
3. Dư nợ không đảm bảo (tỷ đồng)	11,5	3,77	5,07	7.13
Tỷ trọng %	5%	0.81%	0.55%	0.54%

Nguồn: Báo cáo tín dụng giai đoạn 2008 – 2013 của Hội sở Ngân hàng Bắc Á

Cũng từ số liệu bảng 3 dư nợ có tài sản đảm bảo tại NASB có xu hướng gia tăng. Năm 2008, tỷ lệ này là 95%, năm 2010 tăng lên là 99,19%, năm 2012 là 99,45% và năm 2013 là 99,46%. Đồng thời, dư nợ của doanh nghiệp nhỏ và vừa không có tài sản đảm bảo có xu hướng giảm; năm 2008 là 5%, năm 2010 là 0,81%, năm 2012 là 0,55% và năm 2013 là 0,54%. Điều này phản ánh mức độ cho vay có tài sản hiện nay là tương đối tốt.

3. Một số nhận xét rút ra từ cho vay đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Hội sở Ngân hàng Bắc Á

Qua số liệu về thực trạng cho vay doanh nghiệp nhỏ và vừa tại NASB trong thời gian vừa qua có thể đi đến một số nhận xét như sau:

Thứ nhất, tốc độ tăng trưởng tín dụng với doanh nghiệp nhỏ và vừa là tương đối cao, tỷ trọng tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tăng đáng kể. Tài sản đảm bảo chiếm tỷ lệ rất cao đã khẳng định thêm về khả năng an toàn trong việc cho vay doanh nghiệp nhỏ và vừa. Chất lượng tín dụng các doanh nghiệp nhỏ và vừa tương đối khả quan, ít có nguy cơ bùng phát nợ quá hạn. Nợ xấu ngày càng giảm cả về số tuyệt đối và tương đối. Từ đó, công tác cho vay doanh nghiệp nhỏ và vừa trong những năm qua tại NASB đã góp phần đáng kể vào sự phát triển của các doanh nghiệp. Theo báo cáo từ các doanh nghiệp có quan hệ tín dụng với ngân hàng thì các doanh nghiệp nhỏ và vừa vay vốn đã hoạt động khá hiệu quả, mức trưởng doanh thu cũng như lợi nhuận đạt khá và ổn định. Đây cũng là cơ sở vững chắc để doanh nghiệp và ngân hàng xây dựng mối quan hệ hợp tác gắn bó và cùng có lợi.

Thứ hai, bên cạnh những kết quả đạt được như trên, việc cho vay doanh nghiệp nhỏ và vừa tại NASB hiện cũng còn bộc lộ hạn chế như: Dư nợ cho vay doanh nghiệp nhỏ và vừa còn chiếm tỷ trọng thấp. Đến năm 2013 chỉ có 2,8% số doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh có quan hệ vay vốn với NASB là chưa tương xứng với tiềm năng thực tế của Hội sở.

Thứ ba, xuất phát từ đặc điểm của tỉnh Nghệ An, các doanh nghiệp nhỏ và vừa trong lĩnh vực công nghiệp chế biến, khai thác nguyên liệu, nuôi trồng và chế biến thủy sản,... có thể mạnh phát triển và có nhu cầu vay vốn rất lớn. Tuy nhiên, đến nay Hội sở

Ngân hàng Bắc Á mới có quan hệ với 4,1% số doanh nghiệp và đáp ứng 6,2% nhu cầu vay vốn của các doanh nghiệp này (*Hội sở Ngân hàng Bắc Á, 2008-2013*). Tương tự, cho vay đầu tư vào các cụm công nghiệp, các làng nghề truyền thống (nơi có rất nhiều doanh nghiệp nhỏ và vừa) hiện nay cũng còn rất nhiều hạn chế.

Thứ tư, chính sách tín dụng đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa chưa thực sự phù hợp và chưa có đáp ứng sử thích hợp về vấn đề tài sản đảm bảo, lãi suất cho vay, các hình thức cấp tín dụng... Trong đó, chính sách đảm bảo tiền vay như hiện nay đang làm nảy sinh một vấn đề lớn đối với doanh nghiệp đó là việc cho vay hiện nay quá chú trọng vào tài sản đảm bảo. Trong khi đó, ngân hàng chưa đánh giá được tính hiệu quả của phương án sử dụng vốn mà doanh nghiệp đưa ra.

Thực tế cho thấy, đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa nhu cầu vốn ngày càng tăng đặc biệt là vốn trung – dài hạn để mở rộng sản xuất kinh doanh, trong khi tài sản đảm bảo chỉ đáp ứng được một phần nhu cầu vốn và cách định giá tài sản đảm bảo của ngân hàng hiện nay lại chưa sát giá trị thực dẫn đến việc tiếp cận nguồn vốn của ngân hàng rất khó khăn. Thực trạng này đã làm giảm rất lớn khả năng mở rộng cho vay doanh nghiệp nhỏ và vừa của NASB.

NASB Hội sở Ngân hàng Bắc Á hiện nay cũng không thoát khỏi tình trạng chung, tài sản đảm bảo chủ yếu là bất động sản, kho hàng, máy công trình,... Vì vậy, tính thanh khoản của tài sản không cao, định giá tài sản đảm bảo chưa theo sát giá trị trường dẫn đến khoảng cách giữa giá trị của tài sản đưa vào thế chấp và giá trị thật của tài sản còn có một khoảng cách lớn gây thiệt thòi cho doanh nghiệp vay vốn.

4. Một số khuyến nghị

Trước nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, những năm tới, nhu cầu về vốn của các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Nghệ An là rất lớn. Tham khảo số liệu điều tra độc lập của Dự án BSPS về dự báo nhu cầu vốn đầu tư sản xuất của khối doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh so với thực trạng dư nợ cho vay của các tổ chức tín dụng đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa (mới chỉ đáp ứng chưa đầy 1/3 số lượng doanh nghiệp hiện có)

Bảng 4: Dự báo nhu cầu vốn đầu tư sản xuất – kinh doanh của khối các doanh nghiệp nhỏ và vừa Nghệ An giai đoạn 2011 – 2015

TT	Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
1	Nhu cầu vốn đầu tư TSCĐ	3.092	4.019	4.420	7.072	7.779
2	Nhu cầu vốn lưu động	4.636	5.099	6.628	7.290	10.206
	Tổng cộng	7.728	9.118	11.048	14.262	17.985

Nguồn: UBND tỉnh Nghệ An (2010)

cho thấy việc mở rộng cho vay đối với khu vực này là rất quan trọng và cấp thiết.

Như vậy, cơ hội để mở rộng phạm vi và nâng cao quy mô vay vốn cho một doanh nghiệp là rất lớn. Xuất phát từ đó, chúng tôi khuyến nghị một số vấn đề sau đây để ngành ngân hàng nói chung, NASB nói riêng đẩy mạnh hoạt động cho vay đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn.

Thứ nhất, thực hiện chính sách lãi suất linh hoạt, đa dạng hóa hình thức cấp tín dụng, đa dạng hóa phương thức tiếp cận khách hàng, mở rộng mạng lưới để tăng cường số lượng doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận vốn tại NASB. Phần trên cho thấy, hiện nay, vấn đề tăng tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận vốn vay và tăng mức dư nợ bình quân của mỗi doanh nghiệp là vấn đề lớn đối với các ngân hàng nói chung, với NASB nói riêng. Do đặc điểm doanh nghiệp nhỏ và vừa hoạt động khá phân tán nên việc tiếp cận của ngân hàng đến các doanh nghiệp này rất khó khăn, đặc biệt là các doanh nghiệp tại các huyện. Vì vậy, bản thân ngành ngân hàng, trong đó có NASB, cần nghiên cứu thực hiện chính sách lãi suất linh hoạt, đa dạng hóa hình thức cấp tín dụng, đa dạng hóa phương thức tiếp cận khách hàng, mở rộng mạng lưới hoạt động, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận cũng như giao dịch với ngân hàng. Đồng thời cần đa dạng hóa các sản phẩm cho vay doanh nghiệp nhỏ và vừa để đáp ứng được nhu cầu của doanh nghiệp.

Thứ hai, nghiên cứu áp dụng linh hoạt các hình thức bảo đảm tiền vay. Hiện nay, vấn đề tài sản đảm bảo vẫn còn là một khó khăn rất lớn đối với các doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa mỗi khi muốn tiếp cận với vốn vay ngân hàng. Như đã trình bày, các biện pháp bảo đảm tiền vay chủ

yếu tập trung vào bất động sản mà chưa chú trọng đến các tài sản khác của doanh nghiệp, việc xác định giá trị tài sản còn cứng nhắc, chưa theo kịp giá trị trường. Mặc dù các chính sách của ngân hàng đối với tài sản đảm bảo luôn có quan điểm rõ ràng, “Tài sản đảm bảo không phải là yếu tố quan trọng hàng đầu, vấn đề cơ bản là tính khả thi của phương án sản xuất kinh doanh của khách hàng và dòng tiền của phương án/dự án kinh doanh”. Và hơn thế nữa theo quy định của Chính phủ về đảm bảo tiền vay tại Nghị định số 178/1999/NĐ-CP ngày 29/12/1999 thì các NHTM được quyền chủ động lựa chọn cho vay theo hình thức có đảm bảo bằng tài sản hoặc không có đảm bảo bằng tài sản.

Tuy nhiên, trên thực tế áp dụng lại có nhiều điều bất cập xảy ra như việc đánh giá của cán bộ tín dụng nói riêng và ngân hàng nói chung về phương án sản xuất kinh doanh, khả năng tài chính cũng như năng lực quản lý,... của khách hàng chưa có sự đảm bảo hợp lý. Điều này có thể xuất phát từ phía trình độ của cán bộ nhân viên ngân hàng và cả khả năng lập và trình bày các phương án và dự án kinh doanh của khách hàng. Ngoài ra, còn nhiều lý do khác dẫn đến tình trạng khi ngân hàng cho vay doanh nghiệp nhỏ và vừa vẫn luôn đòi hỏi phải có tài sản để đảm bảo cho khoản vay. Đối với NASB hiện nay cũng chưa thoát khỏi tình trạng này.

Vì vậy, để có thể tạo điều kiện mở rộng cho vay doanh nghiệp nhỏ và vừa, cần nghiên cứu tình hình kinh doanh cụ thể của từng doanh nghiệp để áp dụng linh hoạt và đa dạng các hình thức bảo đảm tiền vay; đồng thời với một số khách hàng có khả năng kinh doanh tốt có thể mạnh dạn áp dụng hình thức cho vay không có đảm bảo.

Thứ ba, tăng cường áp dụng các biện pháp quản

lý hiện đại vào công tác quản lý hoạt động của NASB như áp dụng hệ thống chấm điểm tín dụng và quản lý tín dụng theo danh mục; nâng cao chất lượng thẩm định tín dụng; Hiện đại hóa hệ thống thông tin; nâng cao trình độ nghiệp vụ và tinh thần trách nhiệm của đội ngũ cán bộ tín dụng

Thứ tư, để tăng cường cho vay của ngân hàng đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Nghệ An bên cạnh việc hoàn thiện môi trường thể chế cho hoạt động của ngành ngân hàng từ phía chính phủ và ngành Ngân hàng phù hợp với xu hướng phát triển của doanh nghiệp nhỏ và vừa, chúng tôi khuyến nghị chính quyền địa phương các cấp của tỉnh Nghệ An cần quan tâm và xúc tiến đồng bộ nhiều biện pháp hữu hiệu như đẩy mạnh cải cách

thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa trong việc thành lập, đăng ký kinh doanh, lập/ thực hiện dự án đầu tư,... hỗ trợ về thủ tục cấp/cho thuê đất, giải phóng mặt bằng, miễn giảm tiền thuê đất, miễn miễn giảm thuế... Đồng thời thực hiện tốt công tác quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch các khu/cụm công nghiệp tạo điều kiện (nhất là điều kiện về mặt bằng đầu tư) cho các doanh nghiệp đầu tư dự án cũng như duy trì, phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh; Có kế hoạch phát triển kinh tế, tạo môi trường phát triển sản xuất kinh doanh ổn định cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa; tăng cường công tác quản lý, giám sát hoạt động của các doanh nghiệp nhỏ và vừa. □

Tài liệu tham khảo :

Hội sở Ngân hàng Bắc Á (2008-2013). Báo cáo tín dụng giai đoạn 2008 – 2013.

Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An (2006-2013). Báo cáo tình hình thành lập doanh nghiệp.

UBND tỉnh Nghệ An (2010). Dự án “cải thiện môi trường kinh doanh cấp tỉnh” (BSPS) trong khuôn khổ hợp tác Việt Nam-Đan Mạch.

Loans to small and medium-sized enterprises at the Head Office of North Asia Commercial Joint - Stock Bank: Status and recommendations

Abstract:

This paper addresses some issues on scope, scale and quality of the loans to small and medium-sized enterprises (SMEs) at the Head Office of North Asia Commercial Joint - Stock Bank (NASB). The study indicates that to increase the number of SMEs accessing the lendings, credit balance and secure credit safety, NASB should take flexible interest rate policy; diversify types of credit; expand bank operation network; diversify corporate financing services; apply method of modern banking management.

Thông tin tác giả:

***Võ Đức Việt**, Thạc sĩ, NCS

- Nơi công tác: Hội sở Ngân hàng TMCP Bắc Á, Nghệ An.

Email: hoavietna@hahoo.com.vn

****Võ Văn Quang**, Tiến sĩ.

- Nơi công tác: Phó Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Bắc Á